TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày 08-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Thước

Bà Lê Thị Thu Thủy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thay đổi Hội thẩm nhân dân số 100/2020/TB-TA ngày 18 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T, sinh năm 1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phúc H, sinh năm 1949 và bà Vũ Thị P (đã chết); có vợ là Trần Thị T1, sinh năm 1992, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09 tháng 5 năm 2020, thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh từ ngày 18 tháng 7 năm 2020; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đàm Thị Thu T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ ngày 05 tháng 5 năm 2020, Vũ Việt M1 điều khiển xe máy Yamaha Exciter BKS 15G1-353.19 chở bị cáo Nguyễn Quốc T đến nhà chị Đàm Thị Thu T2 để đòi nợ. Khi đến sân nhà chị T2, chị T2 không có nhà, giữa bị cáo T và ông Đàm Văn K là bố đẻ của chị T2 có xảy ra cãi cọ, thách thức nhau. Ông K

vào trong nhà lấy 01 con dao lao về phía bị cáo T thì bị bà Lê Thị N1 là mẹ đẻ của chị T2 giằng dao cất đi. Thấy vậy, M1 có nhặt gạch đáp về phía ông K làm vỡ ô cửa thoáng nhà ông K. Ông K đuổi theo bị cáo T và M1 ra ngoài đường thì bị cáo T nhặt mảnh gạch bê tông ném về phía ông K gây thương tích. Sau đó, T và M1 bỏ chạy. Ông K được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện V. Nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương (gọi tắt là Cơ quan điều tra) đến khám nghiệm hiện trường và thu giữ chiếc xe máy Yamaha Exciter nêu trên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 202/2020/TgT của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông K do các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi là 08%. Tổn thương vùng thái dương trái có đặc điểm do vật tày có thể có góc cạnh cứng tác động trực tiếp theo hướng chủ yếu gần như vuông góc với bề mặt da nơi tổn thương gây nên.

Tại Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương ngày 29 tháng 5 năm 2020: Một mảnh kính vỡ cửa kính nhà ông K kích thước trong diện 63cm x 54 cm, loại kính màu nâu, giá trị thay thế sửa chữa: 1.600.000 đồng.

Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập bị cáo Nguyễn Quốc T. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo T khai nhận: Khoảng tháng 4 năm 2018, bị cáo bắt đầu thực hiện hành vi cho vay lãi, lãi suất dao động từ 3.000 đồng/triệu/ngày đến 10.000 đồng/triệu/ngày, tương đương với 109,5%/năm đến 365%/năm, tùy thuộc vào mối quan hệ và thỏa thuận giữa hai bên. Bị cáo T sử dụng 02 quyển sổ để ghi chép số tiền vay, lãi suất vay và thông tin người vay, đồng thời bị cáo đã tự nguyện giao nộp 02 quyển sổ này, gồm: 01 quyển sổ không có bìa, trên trang giấy có ghi "HONGHA"; 01 quyển sổ có bìa kẻ sọc màu tím nhãn hiệu "Campus", có ghi chữ "Sổ hàng". Hình thức trả nợ của khách hàng là trả góp hàng ngày với mức trả bằng tổng số tiền gốc cộng với tiền lãi của tổng thời gian vay chia cho số ngày vay (gọi là bốc bát họ) hoặc trả lãi theo tháng, gốc thanh toán cuối kỳ (gọi là vay lãi nằm).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Nguyễn Quốc T ở thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng thu giữ: 05 quyển sổ giấy vay tiền không ghi nội dung, 10 tờ giấy A4 in ảnh và tên Đàm Thị Thu T2; 10 tờ giấy A4 in hình ảnh và tên Phạm Văn K1; 01 giấy vay tiền ngày 11 tháng 7 năm 2019 người vay tiền là Trương Thị S.

Tài liệu điều tra xác định được trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 11 năm 2018 đến ngày 05 tháng 5 năm 2020 (thời điểm bị Công an phát hiện), bị cáo Nguyễn Quốc T đã cho chị Đàm Thị Thu T2 vay tiền, mức lãi suất từ 6.000 đồng/triệu/ngày đến 10.000 đồng/triệu/ngày, tương đương với 219%/năm đến 365%/năm. Số tiền bị cáo T cho chị T2 vay là 130.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu của chị T2 là 85.700.000 đồng, trừ đi số tiền lãi hợp pháp 20%/năm theo quy định của pháp luật là 14.550.229 đồng, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Quốc T đã thu lợi bất chính là 71.149.771 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 23 tháng 11 năm 2018, chị T2 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 8.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 292%/năm. Trưởng cắt lãi tháng đầu tiên 2.400.000 đồng và chỉ đưa cho chị T2 số tiền là 7.600.000 đồng.

- Ngày 23 tháng 02 năm 2019, chị T2 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 7.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 255,5%/năm. Bị cáo T cắt lãi 6.300.000 đồng tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho chị T2 số tiền là 23.700.000 đồng.

Đến ngày 21 tháng 5 năm 2019, bị cáo T chốt với chị T2 số tiền gốc còn nợ là 40.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 17.000.000 đồng. Hai bên thống nhất chuyển 10.000.000 tiền nợ lãi sang nợ gốc, như vậy tổng số tiền nợ gốc chị T2 nợ bị cáo là 50.000.000 đồng, lãi suất 7.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 255,5%/năm và nợ lãi là 7.000.000 đồng.

- Ngày 04 tháng 7 năm 2019, chị T2 mang chiếc xe SH mode màu bạc (không nhớ BKS) đến cầm cố cho bị cáo để vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 6.000 đồng/triệu/ngày tương đương 219%/năm. Đến ngày 18 tháng 7 năm 2019, chị T2 trả cho bị cáo 50.000.000 đồng tiền gốc và 1.700.000 đồng tiễn lãi.

- Ngày 03 tháng 8 năm 2019, chị T2 mang chiếc xe Airbade (không nhớ BKS) đến cầm cố cho bị cáo T để vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 365%/năm. Ngày 11 tháng 8 năm 2019, chị T2 vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 365%/năm. Đến tháng 01 năm 2020, chị T2 trả hết số tiền gốc và lãi đối với hai khoản vay cầm xe Airbade.

Ngày 09 tháng 5 năm 2020, người đại diện hợp pháp của ông Đàm Văn K có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Ngày 09 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Quốc T bị khởi tố bị can và bắt tạm giam về tội: "Cố ý gây thương tích", quy định tại Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, ông Đàm Văn K có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc T. Ngày 18 tháng 7 năm 2020, Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can đối với bị cáo T đối với tội: "Cố ý gây thương tích", quy định tại Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc T khai nhận như nội dung trên, bị cáo xác định: Bị cáo đã cho chị Đàm Thị Thu T2 vay tiền, mức lãi suất từ 6.000 đồng/triệu/ngày đến 10.000 đồng/triệu/ngày. Số tiền bị cáo cho chị T2 vay tổng cộng là 130.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu của chị T2 là 85.700.000 đồng. Ngoài chị T2, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 4 năm 2020, bị cáo còn cho 29 người vay tiền, nhưng bị cáo không xác định được thời gian vay tiền, số tiền lãi người vay đã trả cho bị cáo và một số người bị cáo cho vay tiền không lấy lãi. Đối với trường hợp của chị T2, chị T2 đã trả toàn bộ số nợ gốc và số nợ lãi cho bị cáo. Bị cáo cũng đã trả cho chị T2 số tiền lãi thu lời bất chính 50.000.000 đồng.

Công bố lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị Thu T2 khai như bị cáo T đã khai tại phiên tòa. Đối với số tiền lãi bị cáo T thu lời bất chính, bị cáo đã trả cho chị 50.000.000 đồng, chị T2 không còn yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKS-AD ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, Điều 201; các điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 05 quyển sổ vay tiền không có nội dung thu giữ của Nguyễn Quốc T. Truy thu của bị cáo Nguyễn Quốc T số tiền 144.550.229 đồng để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị Thu T2, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 11 năm 2018 đến ngày 05 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Quốc T đã cho chị Đàm Thị Thu T2 vay tổng số tiền 130.000.000 đồng với lãi suất từ 6.000 đồng/triệu/ngày đến 10.000 đồng/triệu/ngày, tương đương với 219%/năm đến 365%/năm, vượt quá mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 từ 10,95 lần đến 18,25 lần. Trong đó, số tiền bị cáo thu lãi hợp pháp 20% theo quy định của pháp luật là 14.550.229 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 71.149.771 đồng. Hành vi cho vay lãi suất cao của bị cáo Nguyễn Quốc T đã phạm vào tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo T theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Hành vi cho vay lãi nặng cũng là nguyên nhân dẫn đến các hoạt động băng đảng, làm gia tăng các tội phạm khác như: Tội cố ý gây thương thương tích, tội cướp tài sản hoặc tội cưỡng đoạt tài sản gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy,

hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Về nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Về nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Bị cáo T không có việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, thực hiện hành vi phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, lấy việc cho vay lãi nặng để thu lợi cho bản thân.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quốc T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về nhân thân bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Quốc T về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Thời gian tạm giam của bị cáo Nguyễn Quốc T được trừ vào thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ (quy đổi 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

[9] Giao bị cáo Nguyễn Quốc T cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập:

[10] Theo quy định của pháp luật, ngoài hình phạt chính bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Xét, bị cáo Nguyễn Quốc T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, phải nuôi dưỡng bố già, yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[11] Chị Đàm Thị Thu T2 đã trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho bị cáo T. Bị cáo cũng đã trả lại cho chị T2 số tiền lãi thu lợi bất chính 50.000.000 đồng, chị T2 không còn yêu cầu gì khác nên Tòa án không giải quyết.

- Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

[12] Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm: 01 quyển sổ không có bìa, trên trang giấy có ghi "HONGHA"; 01 quyển sổ có bìa kẻ sọc màu tím nhãn hiệu "Campus", có ghi chữ "Sổ hàng"; 05 quyển sổ giấy vay tiền không ghi nội dung;

10 tờ giấy A4 in ảnh và tên Đàm Thị Thu T2; 10 tờ giấy A4 in hình ảnh và tên Phạm Văn K1; 01 giấy vay tiền ngày 11 tháng 7 năm 2019 ghi người vay tiền là Trương Thị S.

[13] Đối với 01 quyển sổ không có bìa, trên trang giấy có ghi "HONGHA"; 01 quyển sổ có bìa kẻ sọc màu tím nhãn hiệu "Campus", có ghi chữ "Sổ hàng"; 10 tờ giấy A4 in ảnh và tên Đàm Thị Thu T2; 10 tờ giấy A4 in hình ảnh và tên Phạm Văn K1; 01 giấy vay tiền ngày 11 tháng 7 năm 2019 ghi người vay tiền là Trương Thị S. Số tài liệu này đã được lưu trong hồ sơ làm chứng cứ truy tố bị cáo nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[14] 05 quyển sổ giấy vay tiền không ghi nội dung không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[15] Đối với số tiền 130.000.000 đồng, đây là số tiền bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần truy thu để sung quỹ Nhà nước. Số tiền 14.550.229 đồng là tiền lãi theo quy định của pháp luật, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền lãi thu lợi bất chính 71.149.771 đồng, số tiền này cần trả lại cho người vay tiền chị Đàm Thị Thu T2, bị cáo đã trả cho chị T2 50.000.000 đồng, số tiền còn lại chị T2 không yêu cầu, nên Tòa không giải quyết. Tổng số tiền bị cáo bị truy thu là 144.550.229 đồng.

- Về vấn đề khác:

[16] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tài liệu, chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án thể hiện, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 4 năm 2020 còn có 29 người vay tiền của bị cáo T, trong đó xác minh làm rõ được 06 người vay tiền với lãi suất dao động từ 1.000 đồng/triệu/ngày đến 10.000 đồng/triệu/ngày là: Trần Văn B, sinh năm 1987, trú tại thôn M, xã N, huyện A, Hải Phòng; Trần Văn C, sinh năm 1981, trú tại: Số 4D, Nguyễn T2, V1, H1, Hải Phòng; Lê Văn D, sinh năm 1982, trú tại: M, N, A, Hải Phòng; Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1977, trú tại M, N, A, Hải Phòng; Nguyễn Văn H2 sinh năm 1994, trú tại: M, N, A, Hải Phòng; Vũ Việt M1, sinh năm 1991, trú tại: M, N, A, Hải Phòng. Những người này không xác định được thời gian vay tiền, số tiền lãi đã trả cho bị cáo T và không yêu cầu, đề nghị gì về số tiền lãi bị cáo đã thu của họ. Ngoài ra còn hai người bị cáo T cho vay không lấy lãi là Nguyễn Đức L1, sinh năm 1997, trú tại: H3, H4, A, Hải Phòng và Nông Thị T3, sinh năm 1960, trú tại N1, B1, B2, Cao Bằng. Những người còn lại trong sổ và người có tên trong giấy vay tiền Trương Thị S, giấy A4 mang tên Phạm Văn K1 hiện chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[17] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh thu giữ tại hiện trường, hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tiếp tục tách ra để xác minh làm rõ xử lý sau.

[18] Trong vụ án này còn có hành vi của Vũ Việt M1 ném gạch làm hỏng kính chắn gió cửa chớp nhà ông K trị giá 1.600.000 đồng, không đủ căn cứ khởi tố vụ án hình sự nên ra Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý hành chính đối với Vũ Việt M1.

- Về án phí:

[19] Bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về quyền kháng cáo:

[20] Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 201; điểm i và điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 tháng 09 ngày tạm giam (quy đổi 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo T phải chấp hành hình phạt còn lại là 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Quốc T tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Quốc T.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 05 quyển sổ giấy vay tiền không ghi nội dung

(*Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương đang quản lý theo Biên Bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 10 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương*).

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Quốc T số tiền 144.550.229 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm hai mươi chín) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện An Dương;
- Phòng PV 06 CATP;
- Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP;
- UBND xã nơi cư trú của bị cáo;
- Chi cục Thi hành án huyện An Dương;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Huế